

| QUYỀN LỢI | Chương trình Bạc | Chương trình Vàng | Chương trình Kim cương | |
|---|--|-------------------|--|--|
| | Quyền lợi tối đa (nghìn đồng) | | | |
| Mục 1 | | | | |
| Quyền lợi bảo hiểm tai nạn cá nhân | | | | |
| Quyền lợi A. | 1. Chết do tai nạn* | 1.000.000 | 2.000.000 | 3.000.000 |
| | 2. Mất hai mắt, hai chi hoặc một mắt và một chi * | 1.000.000 | 2.000.000 | 3.000.000 |
| | 3. Mất một mắt hoặc một chi * | 500.000 | 1.000.000 | 1.500.000 |
| | 4. Chết hoặc thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn trong phương tiện giao thông công cộng hoặc xe riêng * | 2.000.000 | 4.000.000 | 6.000.000 |
| | 5. Thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn khác * | 1.000.000 | 2.000.000 | 3.000.000 |
| Quyền lợi B. (mở rộng quyền lợi bảo hiểm) | Bảo hiểm thẻ tín dụng** | 10.000 | 10.000 | 10.000 |
| Mục 2. Chi phí y tế và các chi phí khác | | | | |
| Quyền lợi A. | Chi phí y tế Bao gồm các chi phí y tế phát sinh do các rủi ro trong chuyến đi và các chi phí y tế tiếp theo phát sinh trong vòng 1 tháng kể từ khi trở về Việt Nam | 1.000.000 | 2.000.000 | 3.000.000 |
| Quyền lợi B. (mở rộng quyền lợi bảo hiểm) | i. Hỗ trợ người đi cùng | 100.000 | 100.000 | 100.000 |
| | ii. Hồi hương thi hài | Chi trả toàn bộ | Chi trả toàn bộ | Chi trả toàn bộ |
| | iii. Chi phí mai táng | 200.000 | 200.000 | 100.000 |
| | iv. Hồi hương trẻ em*** | 100.000 | 100.000 | 100.000 |
| Quyền lợi C. | Chi phí vận chuyển y tế cấp cứu (VCYTCC) Bao gồm chi phí cho việc vận chuyển y tế, được đánh giá là cần thiết, đến một địa điểm mới | Chi trả toàn bộ | Chi trả toàn bộ | Chi trả toàn bộ |
| Dịch vụ cứu trợ khẩn cấp (84-8 3823 2429) | | Chi trả toàn bộ | Chi trả toàn bộ | Chi trả toàn bộ |
| Mục 3 | | | | |
| Trợ cấp nằm viện Cung cấp trợ cấp ngày cho mỗi ngày trọn vẹn Người được bảo hiểm nằm viện | | Không áp dụng | 1.000/ngày và 20.000 tổng cộng cho một sự kiện | 1.000/ngày và 40.000 tổng cộng cho một sự kiện |
| Mục 4 | | | | |
| Hành lý và tư trang **** Cung cấp quyền lợi bảo hiểm đối với các đồ vật bị mất hoặc hư hỏng trong chuyến đi | | Không áp dụng | 5.000/đồ vật và 25.000 tổng cộng | 10.000/đồ vật và 50.000 tổng cộng |
| Mục 5 | | | | |

| | | | |
|---|---------------|---|---|
| Nhận hành lý chậm Cung cấp quyền lợi bảo hiểm trong trường hợp cần mua gấp các vật dụng cần thiết do nhận hành lý chậm ít nhất 8 tiếng | Không áp dụng | 4.000 cho mỗi người được bảo hiểm | 4.000 cho mỗi người được bảo hiểm |
| Mục 6 | | | |
| Tiền mang theo và Giấy tờ thông hành Cung cấp quyền lợi bảo hiểm trong trường hợp bị mất Tiền và Giấy tờ thông hành mang theo do mất cắp hoặc thiên tai cộng với chi phí ăn ở, đi lại phát sinh thêm | Không áp dụng | Tiền mang theo: 4.000 các chi phí khác: 20.000 | Tiền mang theo: 6.000 các chi phí khác: 60.000 |
| Mục 7 | | | |
| Trách nhiệm cá nhân Cung cấp quyền lợi bảo hiểm trong trường hợp bị khiếu nại về trách nhiệm pháp lý đối với thương tật thân thể hoặc hư hỏng tài sản do một sự kiện xảy ra trong chuyến đi | Không áp dụng | 4.000.000 | 4.000.000 |
| Mục 8 | | | |
| Chuyến đi bị trì hoãn Cung cấp quyền lợi bảo hiểm trong trường hợp hãng vận tải công cộng xuất phát chậm ít nhất 8 tiếng | Không áp dụng | 2.000 cho mỗi 8 tiếng và 10.000 tổng cộng | 2.000 cho mỗi 8 tiếng và 20.000 tổng cộng |
| Mục 9 | | | |
| Mất tiền đặt cọc hay hủy bỏ chuyến đi Cung cấp quyền lợi bảo hiểm đối với các khoản đặt cọc và thanh toán không được hoàn lại do hủy chuyến đi vì các lý do được nêu trong đơn bảo hiểm | Không áp dụng | 100.000 | 150.000 |
| Mục 10 | | | |
| Rút ngắn chuyến đi Cung cấp quyền lợi bảo hiểm đối với các chi phí không hoàn lại phát sinh từ việc chuyến đi bị buộc phải rút ngắn do thành viên gia đình bị chết hoặc bị thương tật/ốm đau nghiêm trọng hoặc do nổi loạn hoặc bạo loạn dân sự | Không áp dụng | 100.000 | 150.000 |
| Mục 11 | | | |
| Chơi golf 'Hole in One' Cung cấp quyền lợi bảo hiểm đối với những chi phí phát sinh sau khi đạt được cú đánh "hole in one" trong chuyến đi | Không áp dụng | 4.000.000 | 4.000.000 |
| Mục 12 | | | |
| Bồi hoàn khấu trừ bảo hiểm của phương tiện thuê: Cung cấp quyền lợi bảo hiểm đối với mức khấu trừ trong đơn bảo hiểm xe mà Người được bảo hiểm phải trả do tai nạn xảy ra với chiếc xe mà Người được bảo hiểm thuê | Không áp dụng | 10.000 | 10.000 |

Đơn bảo hiểm loại trừ dịch bệnh theo công bố của WHO/cơ quan có thẩm quyền, tuy nhiên mở rộng chi trả cho các chi phí y tế do Covid 19 dưới hạn mức quyền lợi Chi phí y tế Mục 2, Quyền lợi A của Chương trình Kim Cương lên tới tối đa 1.200.000.000 VNĐ/người/chuyến và với các điều kiện sau:

- Đối tượng được bảo hiểm:
 - + Khách hàng độ tuổi 18 tuổi đến dưới 60 tuổi.
 - + Hoàn thành 2 mũi tiêm Vaccin, có giấy chứng nhận tiêm chủng hợp pháp được cơ quan có thẩm quyền tại Việt

Nam công nhận, liều cuối cùng tiêm trong thời gian ít nhất 14 ngày và không quá 12 tháng kể từ ngày tour khởi hành/tới Việt Nam. Hoặc có chứng nhận đã khỏi bệnh Covid 19 hay các giấy tờ tương đương xác nhận đã khỏi bệnh Covid 19 trong vòng 6 tháng do cơ quan có thẩm quyền tại nước điều trị cấp và được Việt Nam công nhận (Thời gian từ lúc xuất viện tính đến thời điểm tour khởi hành/tới Việt Nam không quá 6 tháng).
+ Hoặc có chứng nhận đã khỏi bệnh Covid 19 hay các giấy tờ tương đương xác nhận đã khỏi bệnh Covid 19 trong vòng 6 tháng do cơ quan có thẩm quyền tại nước điều trị cấp và được Việt Nam công nhận (Thời gian từ lúc xuất viện tính đến thời điểm tour khởi hành/tới Việt Nam không quá 6 tháng).
+ Xét nghiệm PCR/test nhanh có xác nhận cơ sở y tế âm tính Covid trong thời gian 72 h trước khi xuất cảnh.

2. Điều kiện được bồi thường/ Compensation conditions

Kết quả xét nghiệm dương tính kết luận nhiễm SarsCov2 được thực hiện và xác nhận bởi cơ sở y tế hợp pháp.

3. Miễn trừ trách nhiệm - từ chối chi trả trong trường hợp

Nếu quá trình điều tra dịch tễ: có phát sinh trường hợp người được bảo hiểm không tuân thủ các khuyến cáo của cơ quan Nhà nước về 5K - khẩu trang y tế trong thời gian tham gia tour.

Triệu chứng mắc covid 19 phát sinh khi kết thúc thời hạn bảo hiểm.

Bảo hiểm trong trường hợp khủng bố áp dụng cho tất cả các chương trình

Thời hạn bảo hiểm sẽ tự động gia hạn thêm 10 ngày, không tính thêm phí, trong trường hợp Người được bảo hiểm bị chậm trễ không thể tránh khỏi giữa hành trình.

**Đối với trẻ em, các quyền lợi được giới hạn ở mức 20% số tiền bảo hiểm. Đối với người từ 76 tuổi trở lên, các quyền lợi được giới hạn ở mức 30% số tiền bảo hiểm.*

*** Quyền lợi bảo hiểm thẻ tín dụng không áp dụng đối với trẻ em.*

**** Quyền lợi không áp dụng đối với trẻ em.*

***** Đối với trẻ em, quyền lợi được giới hạn ở 50% số tiền bảo hiểm.*

- Vùng 2 (ASEAN) bao gồm: Brunei, Campuchia, Indonesia, Lào, Malaysia, Myanma (Miến Điện), Philippin, Singapore và Thái Lan.

- Vùng 3 (Châu Á - Thái Bình Dương) bao gồm: Các nước ở vùng 2, Australia, Trung Quốc đại lục, đảo Guam, Hồng Kông, Nhật Bản, Hàn Quốc, Macao, New Zealand, đảo Saipan, Đài Loan và đảo Tinian.

- Vùng 4 (Toàn thế giới): trừ Việt Nam

- Không nhận và không chi trả quyền lợi bảo hiểm đối với mọi rủi ro phát sinh khi xảy ra trên lãnh thổ các quốc gia bị cấm vận, cụ thể như sau: Afghanistan, Cuba, Democratic Republic of Congo, Iran, Iraq, Syria, Belarus, Nicaragua, North Korea, Lebanon, Liberia, Libya, Somalia, Sudan, South Sudan, Venezuela, Crimea và Zimbabwe.

- Nếu một chuyến đi qua nhiều hơn một vùng, điểm đến xa nhất sẽ được áp dụng để tính phí bảo hiểm. Ví dụ: Nếu chuyến đi đến 2 địa điểm là Trung Quốc (Vùng 3) và Mỹ (vùng 4) thì sẽ áp dụng mức phí cho Vùng 4.

| Thời gian | Vùng 2 ASEAN (các nước được liệt kê) | | | Vùng 3 Châu Á - Thái Bình Dương (các nước được liệt kê) | | | Vùng 4 Toàn thế giới (Tất cả các nước còn lại, trừ Việt Nam) | | |
|--|---|------------|-----------------|--|------------|-----------------|---|------------|-----------------|
| | Bạc (VNĐ) | Vàng (VNĐ) | Kim cương (VNĐ) | Bạc (VNĐ) | Vàng (VNĐ) | Kim Cương (VNĐ) | Bạc (VNĐ) | Vàng (VNĐ) | Kim cương (VNĐ) |
| Cá nhân | | | | | | | | | |
| Đến 3 ngày | 110.000 | 130.000 | 240.000 | 110.000 | 140.000 | 240.000 | 140.000 | 180.000 | 300.000 |
| 4-6 ngày | 140.000 | 180.000 | 280.000 | 150.000 | 200.000 | 300.000 | 200.000 | 250.000 | 400.000 |
| 7-10 ngày | 180.000 | 220.000 | 360.000 | 190.000 | 240.000 | 400.000 | 240.000 | 300.000 | 530.000 |
| 11-14 ngày | 220.000 | 280.000 | 480.000 | 230.000 | 320.000 | 600.000 | 320.000 | 400.000 | 700.000 |
| Mỗi tuần hoặc một phần của tuần kéo dài thêm | 70.000 | 80.000 | 140.000 | 70.000 | 100.000 | 160.000 | 80.000 | 100.000 | 200.000 |
| Gia đình | | | | | | | | | |
| Đến 3 ngày | 220.000 | 260.000 | 480.000 | 220.000 | 280.000 | 480.000 | 280.000 | 360.000 | 600.000 |
| 4-6 ngày | 280.000 | 360.000 | 560.000 | 300.000 | 400.000 | 600.000 | 400.000 | 500.000 | 800.000 |
| 7-10 ngày | 360.000 | 440.000 | 720.000 | 380.000 | 480.000 | 800.000 | 480.000 | 600.000 | 1.100.000 |
| 11-14 ngày | 440.000 | 560.000 | 960.000 | 460.000 | 640.000 | 1.200.000 | 640.000 | 800.000 | 1.400.000 |
| Mỗi tuần hoặc một phần của tuần kéo dài thêm | 140.000 | 160.000 | 280.000 | 160.000 | 200.000 | 320.000 | 160.000 | 200.000 | 400.000 |

- Vùng 2 (ASEAN) bao gồm: Brunei, Campuchia, Indonesia, Lào, Malaysia, Myanmar (Miến Điện), Philippin, Singapore và Thái Lan.
- Vùng 3 (Châu Á - Thái Bình Dương) bao gồm: Các nước ở vùng 2, Australia, Trung Quốc đại lục, đảo Guam, Hồng Kông, Nhật Bản, Hàn Quốc, Macao, New Zealand, đảo Saipan, Đài Loan và đảo Tinian.
- Vùng 4 (Toàn thế giới): trừ Việt Nam
- Không nhận và không chi trả quyền lợi bảo hiểm đối với mọi rủi ro phát sinh khi xảy ra trên lãnh thổ các quốc gia bị cấm vận, cụ thể như sau: Afghanistan, Cuba, Democratic Republic of Congo, Iran, Iraq, Syria, Belarus, Nicaragua, North Korea, Lebanon, Liberia, Libya, Somalia, Sudan, South Sudan, Venezuela, Crimea và Zimbabwe.
- Nếu một chuyến đi qua nhiều hơn một vùng, điểm đến xa nhất sẽ được áp dụng để tính phí bảo hiểm. Ví dụ: Nếu chuyến đi đến 2 địa điểm là Trung Quốc (Vùng 3) và Mỹ (vùng 4) thì sẽ áp dụng mức phí cho Vùng 4.